**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 1.008028

**Số quyết định:** 224/QĐ-UBND

**Tên thủ tục:** Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch

**Cấp thực hiện:** Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Du lịch

**Trình tự thực hiện:**

Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh Trong quá trình thẩm định, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện trên hệ thống đăng kiểm Việt Nam; giấy phép kinh doanh vận tải đã cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải; cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình và chỉ cấp biển hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của phương tiện đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | 02 Ngày làm việc |  | 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 03 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |
| Dịch vụ bưu chính | 02 Ngày làm việc |  | 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 03 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |

**Thành phần hồ sơ:**

**Bao gồm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| (1) Đơn đề nghị cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017) ; | MS 02.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 1 |
| (2) Bảng kê thông tin về trang thiết bị của từng phương tiện, chất lượng dịch vụ, nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch đáp ứng điều kiện theo quy định (Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); |  | Bản chính: 1 Bản sao: 1 |
| (3) Bản sao giấy đăng ký phương tiện hoặc giấy hẹn nhận giấy đăng ký phương tiện của cơ quan có thẩm quyền, bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện vận tải hoặc bản sao hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**Cơ quan thực hiện:** Sở Giao thông vận tải

**Cơ quan có thẩm quyền:** Sở Giao thông vận tải

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Trung tâm phục vụ hành chính công, kiểm soát TTHC tỉnh

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 09/2017/QH14 | Luật 09/2017/QH14 | 19-06-2017 | Quốc Hội |
| 168/2017/NĐ-CP | Nghị định 168/2017/NĐ-CP | 31-12-2017 | Chỉnh phủ |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Các trường hợp cấp đổi biển hiệu: a) Thay đổi chủ sở hữu phương tiện vận tải khách du lịch hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch; b) Biển hiệu hết hạn.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin